BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94169: KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (FUNDAMENTALS OF ARCHITECTURAL GRAPHICS)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **3 (Lý thuyết: 3 – Thực hành: 0)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ tự học: 105 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Hệ thống thông tin Tài nguyên Môi trường
  - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành □		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chung		
CĐR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	P
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để	P

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
	phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	P
Kỹ năng chung		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị.	P
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	7.3. Tự định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	P
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	P

Ghi chú:

I *– Giới thiệu (Introduction: (Làm thành công dưới sự hướng dẫn các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

P *– Thực hiện (Practice: Làm một mình thành công nhưng chưa thành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

R *– Củng cố (Reinforce: Làm một mìnhthành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra nhưng chưa biết hướng dẫn cho người khác);*

M *– Đạt được (Master: thực hiện CĐR một cách độc lập và hướng dẫn người khác làm và đánh giá được họ có làm được các yêu cầu được đưa ra trong chuẩn đầu ra).*

* ***Mục tiêu***: Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- Về kiến thức: Áp dụng được kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị, đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.

- Về kỹ năng: Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Ký hiệu	**KQHTMĐ của học phần** *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT**
Kiến thức		
K1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của trường học, tổ chức mặt bằng trường học; Phân loại trường đại học; Lịch sử phát triển của nhà hát, phân loại nhà hát; Phân loại và các dạng rạp chiếu phim, phòng hòa nhạc; Quy mô thư viện; Phân loại bảo tàng và triển lãm, thành phần và nội dung của bảo tàng trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
K2	Phân tích được các thông số kỹ thuật của các khối chức năng trong trường học; Các thông số kỹ thuật của các khối chức năng chính, trong trường đại học, hình thức kiến trúc các trường đại học; Thành phần và chức năng các khối cơ bản của nhà hát; Thành phần và hình dạng, kết cấu chức năng các khối chính của rạp chiếu phim; Kết cấu chức năng các khối chính, hình thức kiến trúc thư viện; Những nguyên tắc chung khi thiết kế, hình thức kiến trúc nhà bảo tàng và triển lãm trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
K3	Đề xuất được các giải pháp về vị trí quy hoạch và mặt bằng xây dựng, tổ chức mặt bằng của trường đại học; Vị trí quy hoạch và phương pháp xây dựng của nhà hát; Vị trí quy hoạch và phương pháp xây dựng của rạp chiếu phim; Vị trí và khu đất của thư viện; Vị trí quy hoạch của viện bảo tàng và triển lãm trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng		
K4	Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Có khả năng định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	7.3. Tự định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.
K6	Có thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn trong lập bản vẽ thiết kế kiến trúc phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94169 - Kiến trúc công trình công cộng (Public building architecture) (Tổng số tín chỉ: 3: Tổng số tín chỉ lí thuyết: 3 – Tổng số tín chỉ thực hành: 0 – Tổng số giờ tự học: 105 tiết).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm 6 chương với nội dung về: kiến trúc trường học, kiến trúc trường đại học, kiến trúc nhà hát, rạp chiếu phim và phòng hòa nhạc, kiến trúc thư viện, viện bảo tàng và phòng triển lãm.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

1) Thuyết giảng trên lớp
2) Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy
3) Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning
4) Giảng dạy trực tuyến

2. Phương pháp học tập

1) Nghe giảng trên lớp
2) Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp
3) Học tập trực tuyến

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học đầy đủ.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học.
- Thi giữa kì: Tất cả sinh viên phải làm 01 bài thi lý thuyết giữa kỳ sau khi kết thúc học lý thuyết.
- Thi cuối kì: Sinh viên làm bài thi cuối kỳ theo lịch của Học viện.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các hoạt động đánh giá nhân với trọng số tương ứng

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá chuyên cần	K1, K2, K3	***10***	Theo lịch Học viện
Đánh giá thường xuyên		***30***	
Đánh giá bài thi giữa kỳ	K1, K2, K3	100	Kết thúc phần học lý thuyết
Đánh giá cuối kì		***60***	
Đánh giá cuối kì	K1, K2, K3	100	Theo lịch Học viện

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của trường học, tổ chức mặt bằng trường học; Phân loại trường đại học; Lịch sử phát triển của nhà hát, phân loại nhà hát trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 2: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về phân loại và các dạng rạp chiếu phim, phòng hòa nhạc; Quy mô thư viện; Phân loại bảo tàng và triển lãm, thành phần và nội dung của bảo tàng trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
K2	Chỉ báo 3: Phân tích được các thông số kỹ thuật của các khối chức năng trong trường học; Các thông số kỹ thuật của các khối chức năng chính, trong trường đại học, hình thức kiến trúc các trường đại học; Thành phần và chức năng các khối cơ bản của nhà hát trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
K2	Chỉ báo 4: Phân tích được các thành phần và hình dạng, kết cấu chức năng các khối chính của rạp chiếu phim; Kết cấu chức năng các khối chính, hình thức kiến trúc thư viện; Những nguyên tắc chung khi thiết kế, hình thức kiến trúc nhà bảo tàng và triển lãm trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
K3	Đề xuất được các giải pháp về vị trí quy hoạch và mặt bằng xây dựng, tổ chức mặt bằng của trường đại học; Vị trí quy hoạch và phương pháp xây dựng của nhà hát; trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
K3	Đề xuất được các giải pháp về Vị trí quy hoạch và phương pháp xây dựng của rạp chiếu phim; Vị trí và khu đất của thư viện; Vị trí quy hoạch của viện bảo tàng và triển lãm trong kiến trúc công trình công cộng phục vụ lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	50	Trả lời được 85-100% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 65-84% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 40-64% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 0-39- % câu hỏi trên lớp

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi học trên lớp: Theo quy định của Học viện

Tham dự các bài thi: Không làm bài thi giữa kì sẽ bị nhận điểm 0

Tham dự thực hành: Không tham dự thực hành sẽ không được dự thi cuối kỳ

Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực, tuân thủ quy định phòng thực hành, thực tập.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

**** Sách giáo trình/Bài giảng:***

1. Nguyễn Việt Châu, Nguyễn Hồng Thục (2024). Kiến trúc công trình công công. Nhà xuất bản Xây dựng.

**** Tài liệu tham khảo khác:***

2. Vũ Thị Ánh Tuyết, Phạm Phương Hoa (2024). Giáo trình autocad : tự học nhanh autocad bằng hình ảnh (2024-2023-2022). Nhà xuất bản Thanh niên.

3. Phạm Quang Hân, Trần Tường Thụy (2024). Giáo trình autocad phần cơ bản (lý thuyết - thực hành). Nhà xuất bản Thanh niên.

4. Tạ Trường Xuân (2002). Nguyên lý thiết kế công trình kiến trúc công cộng. Nhà xuất bản Xây dựng.

5. Nguyễn Hữu Trí (2001). AutoCAD thực hành thiết kế kiến trúc AutoCAD R14. NXB Giao thông vận tải.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
PHẦN LÝ THUYẾT				
1,2	***Chương 1: Kiến trúc trường học***			
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) **Nội dung giảng dạy lý thuyết:** 1.1. Lịch sử phát triển của trường học 1.1.1. Những thời kỳ đầu tiên 1.1.2. Thời cận đại 1.2. Trình tự lịch sử phát triển của tổ chức mặt bằng trường học 1.2.1. Nguyên lý bố cục của mặt bằng trường học hiện đại 1.2.2. Kết cấu mặt bằng theo kiểu hành lang 1.2.3. Mặt bằng kết cấu không có hành lang 1.3. Các thông số kỹ thuật của các khối chức năng trong trường học 1.3.1. Thông số về lớp học 1.3.2. Thông số về thực viện 1.3.2. Thông số về khối rèn luyện thể chất 1.3.2. Thông số về cầu thang và khu vệ sinh, tủ treo quần áo	Thuyết trình	Thi tự luận	K1, K2, K3, K4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Ôn tập lại các nội dung đã học			K1, K2, K3, K4, K5
3,4	***Chương 2: Kiến trúc trường đại học***			
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) **Nội dung giảng dạy lý thuyết:** 2.1. Phân loại các trường đại học 2.2. Vị trí quy hoạch và mặt bằng xây dựng 2.3. Tổ chức mặt bằng của trường đại học 2.3.1. Mặt bằng tổ chức theo kết cấu hợp khối 2.3.2. Mặt bằng tổ chức theo kết cấu cụm nhóm chức năng 2.4. Các thông số kỹ thuật của các khối chức năng chính trong trường đại học 2.4.1. Giảng đường và phòng học	Thuyết trình	Thi tự luận	K1, K2, K3, K4

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	2.4.2. Phòng thí nghiệm 2.4.3. Phòng vẽ kỹ thuật 2.4.4. Phòng vẽ mỹ thuật 2.5. Hình thức kiến trúc của trường đại học (3 tiết)			
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Ôn tập lại các nội dung đã học			K1, K2, K3, K4, K5
5	***Chương 3: Kiến trúc nhà hát***			
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) **Nội dung giảng dạy lý thuyết:** 3.1. Lịch sử phát triển của nhà hát 3.2. Phân loại nhà hát 3.3. Vị trí – những yêu cầu về quy hoạch và phương pháp xây dựng 3.4. Thành phần và chức năng các khối cơ bản	Thuyết trình	Thi tự luận	K1, K2, K3, K4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Ôn tập lại các nội dung đã học			K1, K2, K3, K4, K5
	Chương 4: Rạp chiếu phim và phòng hòa nhạc			
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) **Nội dung giảng dạy lý thuyết:** 4.1. Rạp chiếu phim 4.1.1. Phân loại rạp chiếu phim 4.1.2. Các dạng rạp chiếu phim 4.1.3. Vị trí, các yêu cầu về quy hoạch và phương pháp xây dựng 4.1.4. Thành phần và hình dạng 4.1.5. Kết cấu chức năng các khối chính 4.2. Phòng hòa nhạc	Thuyết trình	Thi tự luận	K1, K2, K3, K4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Ôn tập lại các nội dung đã học			K1, K2, K3, K4, K5
	Chương 5: Kiến trúc thư viện			
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) **Nội dung giảng dạy lý thuyết:** 5.1. Quy mô thư viện 5.2. Yêu cầu về vị trí và khu đất 5.3. Kết cấu chức năng các khối chính thư viện 5.1.1. Khối kho sách 5.1.2. Khối độc giả 5.4. Hình thức kiến trúc thư viện	Thuyết trình	Thi tự luận	K1, K2, K3, K4

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Ôn tập lại các nội dung đã học			K1, K2, K3, K4, K5
	Chương 6: Viện bảo tàng và phòng triển lãm			
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) **Nội dung giảng dạy lý thuyết:** 6.1. Phân loại bảo tàng và triển lãm 6.2. Vị trí, các yêu cầu quy hoạch 6.3. Thành phần và nội dung của bảo tàng 6.4. Những nguyên tắc chung khi thiết kế viện bảo tàng và triển lãm 6.5. Hình thức kiến trúc nhà bảo tàng và triển lãm	Thuyết trình	Thi tự luận	K1, K2, K3, K4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Ôn tập lại các nội dung đã học			K1, K2, K3, K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng học sạch sẽ, đủ chỗ cho sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- E- learning: Phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams…), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Các phương tiện khác: Không

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
PGS.TS. Trần Quốc Vinh	**PGS.TS. Trần Quốc Vinh**
KT. TRƯỞNG KHOA **PHÓ TRƯỞNG KHOA**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
PGS.TS. Trần Quốc Vinh	**GS.TS. Phạm Văn Cường**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Quốc Vinh	Học hàm, học vị: PGS, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Xã Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906869368
Email:tqvinh@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Phạm Văn Vân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Xã Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0936468938
Email:phamvan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Lê Thị Giang	Học hàm, học vị: PGS, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Xã Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0973117180
Email: lethigiang@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Xã Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0983335977
Email: nttha.cnmt1@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Đức Thuận	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Xã Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0973117180
Email:nguyenducthuan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đoàn Thanh Thủy	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Xã Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0987409045
Email: doanthanhtthuy@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Họ và tên: Đỗ Thị Loan	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Xã Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0938839787
Email: doloan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Lần 1 – 11/ 2025: Xây dựng đề cương môn học theo Đề án mở ngành mới